

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 11/01/2022

*“V/v: Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**  
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Tạ Hồng Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ma Thị Thu Loan và ông Vũ Thái Thịnh

*Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 438/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

*(các đương sự vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành T. và chị Nguyễn Thị L. kết hôn với nhau vào năm 2020, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam vào ngày 25/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống làm việc tại thôn N, xã M. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Xác định tình cảm vợ chồng

không còn, tháng 10/2021 anh Nguyễn Thành T. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T. trình bày: Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuối tháng 9/2021 chị L. tự ý bỏ nhà đi nói là đi làm ăn xa, nghe nói làm ở tỉnh Hòa Bình còn làm gì, ở đâu anh không biết. Nay anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con cái: Anh Nguyễn Thành T. xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Nguyễn Thành T. xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Kết quả xác minh thể hiện:* Chị Nguyễn Thị L. có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị L. và anh Nguyễn Thành T. kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Hiện tại chị L. đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, khi đi không báo chính quyền nên không xác định được địa chỉ.

Chị Nguyễn Thị L. hiện đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được chị L. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nhận được đơn xin xử vắng mặt của chị L. với nội dung: Chị và anh Nguyễn Thành T. kết hôn với nhau vào tháng 12/2020, có đăng ký kết hôn tại xã M, huyện S, tháng 7/2021 anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã làm đơn thuận tình ly hôn. Hiện chị đang sinh sống với mẹ ở tỉnh Hòa Bình, do mẹ đã già yếu và do dịch bệnh nên chị không về giải quyết ly hôn được, chị đề nghị Tòa án huyện Sơn Dương xét xử vắng mặt chị, sớm có Quyết định ly hôn để chị ổn định cuộc sống.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Thành T. và chị Nguyễn Thị L. kết hôn vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện tại chị L. đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho anh Nguyễn Thành T. được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.; về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện anh Nguyễn Thành T. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L, không đề nghị giải quyết về con cái, tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn chị Nguyễn Thị L. có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện chị L. đi làm ăn xa, không xác định được địa chỉ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị L. nhưng chị L. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T. và bị đơn chị Nguyễn Thị L. vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành T. và chị Nguyễn Thị L. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam vào ngày 25/12/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ tháng 3/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, hiện tại chị L. không có mặt ở địa phương. Tháng 10/2021 anh T. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh Nguyễn Thành T. và chị Nguyễn Thị L. thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho anh Nguyễn Thành T. được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con cái: Anh Nguyễn Thành T. và chị Nguyễn Thị L. không có con chung, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Nguyễn Thành T. và chị Nguyễn Thị L. không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Thành T. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thành T. được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thành T. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001708 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh T. đã nộp đủ án phí của vụ án.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Hồng Chiến**